

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU
Lấy ý kiến cử tri về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số cử tri	Cử tri tham gia lấy ý kiến		Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào		Kết quả lấy ý kiến									
								Cấp tỉnh					Cấp xã				
								Cử tri đồng ý		Cử tri không đồng ý		Cử tri có ý kiến khác	Cử tri đồng ý		Cử tri không đồng ý		Cử tri có ý kiến khác
			Số lượng	Tỷ lệ/tổng số cử tri (%)		Số lượng	Tỷ lệ/phiếu phát ra (%)										
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6	9	10=9/3	11	12=11/3	13	14	15=14/3	16	17=16/3	18
1	Thị trấn Trần Đề	3135	3.095	98,72	3.095	3.095	100	3.071	97,96	24	0,77	0	3.074	98,05	21	0,67	0
1.1	Ấp Càng	812	806	99,26	806	806	100	806	99,26	0	0,00	0	806	99,26	0	0,00	0
1.2	Ấp Đầu Giồng	1.059	1.033	97,54	1.033	1.033	100	1.022	96,51	11	1,04	0	1.022	96,51	11	1,04	0
1.3	Ấp Giồng Chùa	724	724	100	724	724	100	717	99,03	7	0,97	0	717	99,03	7	0,97	0
1.4	Ấp Ngan rô 1	540	532	98,52	532	532	100	526	97,41	6	1,11	0	529	97,96	3	0,56	0
2	Thị trấn Lịch Hội Thượng	3.356	3.356	100	3.356	3.356	100	3.186	94,93	170	5,07	0	3.352	99,88	4	0,12	0
2.1	Ấp Giồng Giữa	1.024	1.024	100	1.024	1.024	100	983	96	41	4	0	1024	100	0	0	0
2.2	Ấp Hội Trung	738	738	100	738	738	100	737	99,86	1	0,14	0	737	99,86	1	0,14	0

2.3	Ấp Châu Thành	608	608	100	608	608	100	547	89,97	61	10,03	0	608	100	0	0	0
2.4	Ấp Phổ Dưới B	579	579	100	579	579	100	576	99,48	3	0,52	0	579	100	0	0	0
2.5	Ấp Sóc Lèo B	407	407	100	407	407	100	343	84,28	64	15,72	0	404	99,26	3	0,74	0
3	Xã Đại Ân 2	2893	2893	100	2893	2893	100	2872	99,27	21	0,73	0	2875	99,38	18	0,62	0
3.1	Ấp Thanh Liêm	557	557	100	557	557	100	550	98,74	7	1,26	0	553	99,28	4	0,72	0
3.2	Ấp Chợ	989	989	100	989	989	100	989	100	0	0	0	989	100	0	0,00	0
3.3	Ấp Ngan Rô 2	506	506	100	506	506	100	503	99,41	3	0,59	0	503	99,41	3	0,59	0
3.4	Ấp Tú Diềm	344	344	100	344	344	100	333	96,80	11	3,2	0	333	96,80	11	3,20	0
3.5	Ấp Lâm Đồ	497	497	100	497	497	100	497	100	0	0	0	497	100	0	0,00	0
4	Xã Trung Bình	3662	3662	100	3662	3662	100	3655	99,81	7	0,19	0	3646	99,56	16	0,44	0
4.1	Ấp Chợ	822	822	100	822	822	100	817	99,39	5	0,61		812	98,78	10	1,22	0
4.2	Ấp Nhà Thờ	1189	1189	100	1189	1189	100	1189	100	0	0,00		1185	99,66	4	0,34	0
4.3	Ấp Mỏ Ó	719	719	100	719	719	100	719	100	0	0,00		719	100	0	0,00	0
4.4	Ấp Bưng Lức	932	932	100	932	932	100	930	99,79	2	0,21		930	99,79	2	0,21	0
5	Xã Lịch Hội Thượng	1922	1910	99,38	1910	1910	100	1910	99,38	0	0	0	1910	99,38	0	0	0
5.1	Ấp Phổ Dưới	351	339	96,58	339	339	100	339	96,58	0	0	0	339	96,58	0	0	0
5.2	Ấp Sóc Lèo	496	496	100	496	496	100	496	100	0	0	0	496	100	0	0	0
5.3	Ấp Nam Chánh	1075	1075	100	1075	1075	100	1075	100	0	0	0	1075	100	0	0	0
6	Xã Liêu Tú	3.340	3.185	95,36	3.185	3.185	100	3.185	95,36	0	0	0	3.185	95,36	0	0	0
6.1	Ấp Đại Nôn	1.067	1.002	93,91	1.002	1.002	100	1.002	93,91	0	0	0	1.002	93,91	0	0	0
6.2	Ấp Bưng Triết	470	462	98,30	462	462	100	462	98,30	0	0	0	462	98,30	0	0	0
6.3	Ấp Bưng Buổi	643	592	92,07	592	592	100	592	92,07	0	0	0	592	92,07	0	0	0
6.4	Ấp Tổng Cánh	405	397	98,02	397	397	100	397	98,02	0	0	0	397	98,02	0	0	0
6.5	Ấp Giồng Chát	755	732	96,95	732	732	100	732	96,95	0	0	0	732	96,95	0	0	0
7	Xã Viên Bình	1798	1795	99,83	1795	1795	100	1795	99,83	0	0	0	1794	99,78	1	0,06	0

7.1	Ấp Đào Viên	614	614	100	614	614	100	614	100,00	0	0	0	614	100	0	0	0
7.2	Ấp Trà Ông	610	607	99,51	607	607	100	607	99,51	0	0	0	607	99,51	0	0	0
7.3	Ấp Lao Vên	574	574	100,00	574	574	100	574	100,00	0	0	0	573	99,83	1	0,17	0
8	Xã Viên An	1981	1757	88,69	1757	1757	100	1620	81,78	137	6,92	0	1651	83,34	106	5,35	0
8.1	Ấp Trà Đức	357	331	92,72	331	331	100	318	89,08	13	3,64	0	315	88,24	16	4,48	0
8.2	Ấp Đờ Đập	520	490	94,23	490	490	100	427	82,12	63	12,12	0	453	87,12	37	7,12	0
8.3	Ấp Tiếp Nhựt	593	517	87,18	517	517	100	479	80,78	38	6,41	0	481	81,11	36	6,07	0
8.4	Ấp Bung Sa	511	419	82,00	419	419	100	396	77,50	23	4,5	0	402	78,67	17	3,33	0
9	Xã Tài Văn	4187	4098	97,87	4098	4098	100	4086	97,59	12	0,29	0	4098	97,87	0	0	0
9.1	Ấp Chắc Tung	843	811	96,20	811	811	100	811	96,20	0	0	0	811	96,20	0	0	0
9.2	Ấp Hà Bô	629	600	95,39	600	600	100	600	95,39	0	0	0	600	95,39	0	0	0
9.3	Ấp Tài Công	673	647	96,14	647	647	100	647	96,14	0	0	0	647	96,14	0	0	0
9.4	Ấp Bung Chông	852	850	99,77	850	850	100	850	99,77	0	0	0	850	99,77	0	0	0
9.5	Ấp Prêc Đôn	598	598	100	598	598	100	598	100	0	0	0	598	100	0	0	0
9.6	Ấp Bung Cà Pốt	413	413	100	413	413	100	401	97,09	12	2,91	0	413	100	0	0	0
9.7	Ấp Trà Đót	179	179	100	179	179	100	179	100	0	0	0	179	100	0	0	0
10	Xã Thạnh Thới An	2741	2608	95,15	2608	2608	100	2608	95,15	0	0	0	2608	95,15	0	0	0
10.1	Ấp An Hòa 1	290	282	97,24	282	282	100	282	97,24	0	0	0	282	97,24	0	0	0
10.2	Ấp An Hòa 2	358	336	93,85	336	336	100	336	93,85	0	0	0	336	93,85	0	0	0
10.3	Ấp Tiên Cường 1	326	298	91,41	298	298	100	298	91,41	0	0	0	298	91,41	0	0	0
10.4	Ấp Tiên Cường 2	187	185	98,93	185	185	100	185	98,93	0	0	0	185	98,93	0	0	0
10.5	Ấp Đầy Hương 1	190	186	97,89	186	186	100	186	97,89	0	0	0	186	97,89	0	0	0
10.6	Ấp Đầy Hương 2	201	198	98,51	198	198	100	198	98,51	0	0	0	198	98,51	0	0	0
10.7	Ấp Đầy Hương 3	181	176	97,24	176	176	100	176	97,24	0	0	0	176	97,24	0	0	0
10.8	Ấp Hưng Thới	295	279	94,58	279	279	100	279	94,58	0	0	0	279	94,58	0	0	0
10.9	Ấp Tắc Bướm	422	381	90,28	381	381	100	381	90,28	0	0	0	381	90,28	0	0	0

10.10	Ấp Thanh Nhàn	291	287	98,63	287	287	100	287	98,63	0	0	0	287	98,63	0	0	0
11	Xã Thạnh Thới Thuận	3098	2965	95,71	2965	2965	100	2965	95,71	0	0	0	2965	95,71	0	0	0
11.1	Ấp Thạnh Phú	265	249	93,96	249	249	100	249	100	0	0	0	249	100	0	0	0
11.2	Ấp Thạnh Nhàn 1	475	443	93,26	443	443	100	443	100	0	0	0	443	100	0	0	0
11.3	Ấp Thạnh Nhàn 2	499	484	97	484	484	100	484	100	0	0	0	484	100	0	0	0
11.4	Ấp Thạnh Ninh	288	286	99,31	286	286	100	286	100	0	0	0	286	100	0	0	0
11.5	Ấp Thạnh An 1	544	519	95,40	519	519	100	519	100	0	0	0	519	100	0	0	0
11.6	Ấp Thạnh An 3	652	624	95,70	624	624	100	624	100	0	0	0	624	100	0	0	0
11.7	Ấp Thạnh An 4	375	360	96	360	360	100	360	100	0	0	0	360	100	0	0	0
	Tổng	32.113	31.324	97,54	31.324	31.324	100,00	30.953	96,39	371	1,16	0	31.158	97,03	166	0,52	0